

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 11

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Số liền sau của số 50 là số:

- A. 51                      B. 49                      C. 48                      D. 52

**Phương pháp**

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

**Lời giải**

Số liền sau của số 50 là số 51.

**Chọn A**

**Câu 2.** Số 634 được đọc là:

- A. Sáu ba bốn                      B. Sáu trăm ba tư  
C. Sáu trăm ba mươi tư                      D. Sáu tăm ba mươi bốn

**Phương pháp**

Đọc số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị

**Lời giải**

Số 634 được đọc là: Sáu trăm ba mươi tư

**Chọn C**

**Câu 3.** Lớp 3A có 35 học sinh chia thành 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

- A. 5 học sinh                      B. 6 học sinh                      C. 7 học sinh                      D. 8 học sinh

**Phương pháp**

Số học sinh trong mỗi nhóm = Số học sinh lớp 3A : Số nhóm

**Lời giải**

Mỗi nhóm có số học sinh là:  $35 : 5 = 7$  (bạn)

**Chọn C**

**Câu 4.** Làm tròn số 65 đến hàng chục thì được số:

- A. 60                      B. 65                      C. 70                      D. 80

**Phương pháp**

Khi làm tròn số đến hàng chục, ta so sánh chữ số hàng đơn vị với 5.

Nếu chữ số hàng đơn vị là 1, 2, 3, 4 thì giữ nguyên chữ số hàng chục.

Nếu chữ số hàng đơn vị là 5, 6, 7, 8, 9 thì thêm 1 vào chữ số hàng chục.

Sau khi làm tròn đến hàng chục, hàng đơn vị là chữ số 0.

**Lời giải**

Làm tròn số 65 đến hàng chục thì được số 70.

**Chọn C**

**Câu 5.** Đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



A. 10 giờ

B. 11 giờ

C. 10 giờ 30 phút

D. 11 giờ 30 phút

**Phương pháp**

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi

**Lời giải**

Đồng hồ chỉ 10 giờ 30 phút.

**Chọn C**

**Câu 6.** Nhiệt độ nào dưới đây phù hợp với ngày nắng nóng?

A. 0°C

B. 2°C

C. 100°C

D. 36°C

**Phương pháp**

Dựa vào kiến thức thực tế để trả lời

**Lời giải**

Nhiệt độ 36°C phù hợp với ngày nắng nóng.

**Chọn D****II. TỰ LUẬN**

**Câu 7.** Đặt tính rồi tính

a)  $116 \times 6$

b)  $963 : 3$

**Phương pháp**

- Đặt tính theo các quy tắc đã học

- Nhân lần lượt từ phải sang trái, chia lần lượt từ trái sang phải

**Lời giải**

$$\begin{array}{r} 116 \\ \times \quad 6 \\ \hline 696 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 963 \quad 3 \\ 06 \overline{) 321} \\ \underline{03} \phantom{0} \\ 0 \phantom{0} \end{array}$$

**Câu 8.** Tính giá trị biểu thức:

a)  $132 \times 2 - 78$

b)  $(222 + 180) : 6$

**Phương pháp**

a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

**Lời giải**

$$\begin{aligned} \text{a) } 132 \times 2 - 78 &= 264 - 78 \\ &= 186 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (222 + 180) : 6 &= 402 : 6 \\ &= 67 \end{aligned}$$

**Câu 9.** Tìm x

a)  $x : 6 = 102$

b)  $742 - x = 194$

**Phương pháp**

a) Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia

b) Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

**Lời giải**

$$\begin{aligned} \text{a) } x : 6 &= 102 \\ x &= 102 \times 6 \\ x &= 612 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 742 - x &= 194 \\ x &= 742 - 194 \\ x &= 548 \end{aligned}$$

**Câu 10.** Mỗi bao gạo nặng 36 kg, mỗi bao ngô nặng 25 kg. Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

**Phương pháp**

- Tìm cân nặng của 2 bao gạo

- Tìm cân nặng của bao gạo và bao ngô

**Lời giải**

2 bao gạo cân nặng là:

$$36 \times 2 = 72 \text{ (kg)}$$

2 bao gạo và 1 bao ngô nặng là:

$$72 + 25 = 97 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 97 kg

**Câu 11.** Tìm số bị chia biết thương là số chẵn lớn nhất có hai chữ số khác nhau, số chia bằng 4 và số dư là số nhỏ nhất có thể có.

**Phương pháp**

- Tìm số chẵn lớn nhất có hai chữ số khác nhau
- Số bị chia = thương x số chia + số dư

**Lời giải**

Thương là số chẵn lớn nhất có hai chữ số khác nhau là: 98.

Số dư nhỏ nhất có thể có là 1.

Số bị chia là:  $98 \times 4 + 1 = 393$

Đáp số: 393